

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2011/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 18 tháng 8 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của HĐND;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 01/8 /2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 10/BCTT-KT&NS ngày 12/8/2011 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Quy định sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định (*có Quy định kèm theo*).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được thông qua tại kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ LOẠI
PHÍ, LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 18/8/2011
của HĐND tỉnh)*

1. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận gồm 02 trường hợp như sau:

- Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (Thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).

- Các trường hợp còn lại bao gồm: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Số TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Trường hợp 1	Các trường hợp còn lại
I	Đối với tổ chức			
<i>1</i>	<i>Cấp lần đầu</i>			
a	Các phường nội thành thuộc TP Quy Nhơn	đồng/giấy	100.000	500.000
b	Khu vực khác	đồng/giấy	100.000	450.000
2	Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận			
a	Các phường nội thành thuộc TP Quy Nhơn	đồng/lần	20.000	50.000
b	Khu vực khác	đồng/lần	20.000	40.000
II	Đối với cá nhân, hộ gia đình			
<i>1</i>	<i>Cấp lần đầu</i>			
a	Các phường nội thành thuộc TP Quy Nhơn	đồng/giấy	25.000	100.000
b	Khu vực khác	đồng/giấy	miễn	miễn
2	Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận			
a	Các phường nội thành thuộc TP Quy Nhơn	đồng/lần	20.000	20.000
b	Khu vực khác	đồng/lần	miễn	miễn

2. Phí vệ sinh

STT	Đối tượng nộp	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
A	B	1	2
1	Đối với các cá nhân, hộ gia đình	đồng/hộ/tháng	20.000
2	Đối với các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp	đồng/đơn vị/tháng	80.000
3	Đối với các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống	đồng/cửa hàng/tháng	200.000
		đồng/m ³ rác	160.000
4	Đối với các nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, nhà ga, bến tàu, bến xe	đồng/m ³ rác	160.000
5	Đối với các công trình xây dựng	đồng/m ³ rác	160.000
		Giá trị xây lắp công trình	0,05%

Sau khi được HĐND tỉnh thông qua khung mức thu tối đa nêu trên, các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải có trách nhiệm xây dựng phương án thu phí vệ sinh cụ thể theo từng dự án hoặc địa bàn hoạt động. UBND tỉnh sẽ xem xét, quyết định mức thu cụ thể đối với từng đơn vị theo nguyên tắc phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không vượt quá khung mức thu tối đa này.

3. Phí chợ.

Số TT	Đối tượng nộp	Đơn vị tính	Mức thu
A	B	1	2
1	Chợ có người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ	đồng/người/ngày	
	- Hàng hóa nhỏ, lẻ hoặc chiếm diện tích < 0,5 m ²	nt	1.500
	- Hàng hóa ít hoặc chiếm diện tích từ 0,5 - < 1 m ²	nt	2.000
	- Hàng hóa trung bình hoặc chiếm diện tích từ 1 m ² - < 1,5 m ²	nt	3.000

	- Hàng hóa tương đối nhiều hoặc chiếm diện tích từ $1,5m^2$ - $<2m^2$	nt	5.000
	- Hàng hóa nhiều và chiếm diện tích từ $2m^2$ trở lên	nt	6.000
2	Chợ có hộ đặt cửa hàng, cửa hàng buôn bán cố định thường xuyên tại chợ:	đồng/ m^2 / tháng	
	- Lô có vị trí kinh doanh thuận lợi	nt	25.000
	- Lô có vị trí kinh doanh bình thường	nt	20.000
	- Lô có vị trí kinh doanh không thuận lợi	nt	12.000

4. Phí tham quan.

a. Mức thu phí tham quan tại Bảo tàng Quang Trung là 14.000 đồng/lượt/người.

b. Mức thu phí tham quan tại Tháp Dương Long (huyện Tây Sơn) là 7.000 đồng/lượt/người.

c. Mức thu phí tham quan tại Tháp Bánh Ít (huyện Tuy Phước) là 7.000 đồng/lượt/người.

d. Mức thu phí tham quan tại Tháp Cảnh Tiên (huyện An Nhơn) là 7.000 đồng/lượt/người.

5. Về tỷ lệ % thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi: Tỷ lệ phần trăm (%) thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (Kể cả lái xe) áp dụng mức thu là: 10%.